PHÁT TRIỂN KHU VỰC DỊCH VỤ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở HOA KỲ

Nguyễn Ngọc Mạnh
Viện nghiên cứu Châu Mỹ

Hơn hai thế kỷ qua, các trường đại học và cao đẳng đã trở thành nền tảng cho sự phát triển của Hoa Kỳ. Các trường này đã đào tạo được một lực lượng lao động hùng hậu, từ các nhà khoa học, các nhà quản lý, giáo dục, cho đến các công nhân kỹ thuật lành nghề, trên mọi lĩnh vực. Đặc tính nổi bật của nền giáo dục Hoa Kỳ là tính linh hoạt và đa dạng. Người học có rất nhiều lựa chọn để theo đuổi chương trình học phù hợp nhất với hoàn cảnh và yêu cầu công việc của mình. Sinh viên có thể lựa chọn theo học các chương trình cấp bằng cao đẳng, đại học, cao học, hay chương trình dạy nghề, họ cũng có thể chọn học toàn bộ chương trình hay làm "sinh viên đặc biệt" chỉ học một phần không lấy bằng. Trong mỗi chương trình, sinh viên được quyền lựa chọn môn học để thiết kế chương trình theo ý muốn. Chính điều này đã làm cho các trường đại học và cao đẳng của Mỹ trở nên hấp dẫn đối với cả những sinh viên nước ngoài. Sự đa dạng, phi tập trung, tự do và phân quyền trong quản lý, đã làm cho hệ thống giáo dục đại học và sau đại học của Mỹ trở thành một trong những hệ thống dân chủ và dễ tiếp cận nhất.

1. Mô hình giáo dục đại học và sau đại học

Ở Mỹ có tất cả 4.386 đại học và cao đẳng các loại, trong đó có khoảng 284 trường đại học với nhiều ngành, có chương trình học cử nhân lẫn cao học và chú trọng nghiên cứu. Số còn lại là các đại học bốn năm chủ yếu dạy các ngành khoa học cơ bản và xã hội (colleges of liberal arts and sciences), các trường hai năm như cao đẳng cộng đồng (community colleges), cao đẳng kỹ thuật (technical colleges) và trường dạy nghề (professional or vocational colleges).

Có ba loại đại học ở Mỹ: trường công lập, trường tư thục phi lợi nhuận và trường tư thục vì lợi nhuận. Đa số các trường đại học công lập và tư thục đều là trường phi lợi nhuận. Nhóm trường tư thục vì lợi nhuận mới xuất hiện trong mấy chục năm gần đây, nhưng phát triển khá nhanh trong khoảng 15 năm vừa qua và hiện nay chiếm khoảng 6%-7% thị trường giáo dục đại học ở Mỹ.

Hệ thống các trường đại học tư thục phi lợi nhuận của Mỹ với khoảng 20-25 trường đại học lớn, trong đó có những trường danh tiếng như Harvard, Stanford, Princeton, MIT, Yale,

Cornell,... và rất nhiều trường nhỏ trong nhóm liberal college. Nói chung, những trường này được thành lập từ lâu, do những nhà từ thiện lớn mở và đóng góp tiền.

Hệ thống trường công lập bao gồm phần lớn các trường đại học nghiên cứu, các trường cao đẳng cộng đồng, cao đẳng kỹ thuật. Bang nào cũng có ít nhất là một trường công lập. Ví dụ, Bang Ohio, một bang cỡ trung bình ở Mỹ với khoảng 11,5 triệu dân, có 13 trường đại học công lập, 24 trường chi nhánh, 23 trường cao đẳng cộng đồng và cao đẳng kỹ thuật, và 63 trường đại học, cao đẳng tư thục các loại.

Mục tiêu của hầu hết sinh viên theo học các chương trình này là có được tấm bằng đại học, thông thường phải mất tới bốn năm. Sinh viên có thể lựa chọn cách học mà qua hai giai đoạn để đạt được mục đích của mình. Đó là cách sinh viên có thể học hai năm đầu tại trường đại học cộng đồng (Community College) hoặc trường đại học đại cương (Junior College) sau đó sẽ học chuyển tiếp hai năm cuối của trường đại học bốn năm và sẽ được cấp bằng cử nhân sau khi kết thúc chương trình học.

Sau khi tốt nghiệp cử nhân, có thể tiếp tục học sau đại học. Hơn 1.000 trường đại học ở Mỹ có chương trình đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ. Thông thường một chương trình thạc sỹ phải mất hai năm để hoàn thành và chương trình tiến sỹ thì phải mất thêm 3 năm nữa. Nhưng không nhất thiết là phải theo đúng một ngành khi muốn chuyển tiếp lên học cao hơn.

Các trường công lập ở Mỹ đều phụ thuộc bang quản lý, chứ không phụ thuộc chính phủ liên bang. Cách quản lý của các bang nói chung không hoàn toàn giống nhau về mặt hình thức, nhưng về nội dung thì cơ bản là như nhau. Các trường đều do hội đồng quản trị (bao gồm các doanh nhân, các nhà hoạt động xã hội,...) và hiệu trưởng điều hành theo những quy định rất chi tiết. Mỗi bang có một ban giáo dục làm tư vấn cho thống đốc bang. Họ đóng vai trò tổ chức điều phối nhiều hơn là quản lý. Họ đưa ra các chính sách chung, các gợi ý, các chương trình khuyến khích, và phân phối ngân sách giáo dục cho các trường, nhưng không can thiệp vào các vấn đề nội bộ. Khoảng 30-40% ngân sách của trường công lập do bang cấp, phần còn lại do thu từ học phí của sinh viên và từ các khoản khác như đầu tư tài chính, kinh doanh, các khoản thu từ bán các công trình nghiên cứu khoa học từ các trung tâm nghiên cứu của trường.

Các trường tư thục phi lợi nhuận nói chung không được bang cấp tiền trực tiếp, nhưng họ vẫn nhận được sự tài trợ của bang và của chính phủ liên bang thông qua việc cấp học bổng và các khoản tín dụng cho sinh viên, và thông qua các quỹ nghiên cứu và giáo dục. Ngân sách của trường tư thục chủ yếu là từ học phí và từ việc đóng góp từ thiện của các cựu sinh viên của trường và các nhà hảo tâm.

Nói chung các chính sách của các trường tư thục và các trường công lập liên quan đến giảng dạy, nghiên cứu, các nội quy và chế độ đối với sinh viên, giáo sư, các hình thức quản lý trong trường, không khác nhau nhiều. Tuy nhiên, có một số điểm nhỏ khác nhau, xuất phát từ chỗ, trường công được xem là một tổ chức của chính phủ nên các luật lệ liên quan đến các tổ chức chính phủ được áp dụng cho trường công, chẳng hạn như các luật về công khai giấy tờ, theo đó mọi công dân đều có quyền yêu cầu trường cung cấp tất cả các giấy tờ thuộc về quản lý công (ví dụ như lương của tất cả nhân viên trong trường, tất cả các khoản chi tiêu, các biên bản các cuộc họp, giấy tờ sổ sách,...). Hay là các trường công lập thường thu học phí của sinh viên sống ở bang mình ít hơn so với sinh viên ở bang khác (vì người trong bang đã đóng thuế thu nhập và tiền thuế đó đã dùng để chi cho trường). Còn các trường tư thục thì thu học phí của tất cả sinh viên như nhau.

Vì không được chính quyền bang tài trợ trực tiếp nên các trường tư thục phải bù vào chỗ thiếu bằng cách thu học phí của sinh viên cao hơn. Thông thường, học phí trường tư thục cao gấp hai hoặc ba lần so với trường công lập. Các trường công lập ở Mỹ không được tự do cấp học bổng cho sinh viên nước ngoài như các trường tư thục vì họ sử dụng tiền thuế của dân.

Mặc dù, các trường tư thục với học phí tương đối cao, nhưng cũng có chính sách dành cho nhiều đối tượng khác nhau. Ví dụ, Đại học Harvard hiện giảng dạy miễn phí cho những sinh viên mà thu nhập của gia đình ít hơn 40.000 USD/năm, và giảm học phí đáng kể cho các sinh viên đến từ các gia đình có thu nhập vào khoảng 40.000 60.000 USD/năm. Các trường đại học hàng đầu khác cũng có chính sách ưu tiên cho các vận động viên, những người nộp đơn sớm và con cái của các cựu sinh viên của trường.

Sự đa dạng của hệ thống Đại học Mỹ cho phép họ cung cấp một hệ thống phong phú những loại học viện khác nhau. Chỉ khoảng 100 trong tổng số 3.200 đại học của Mỹ là đại học nghiên cứu. Các trường đại học công lập đầu ngành như Michigan, Texas và Berkeley, California đã cung cấp một nền giáo dục tầm cỡ thế giới với mức giá gần như cho không. Đa phần còn lại là các trường cao đẳng cộng đồng, có các nghiên cứu nhỏ và chỉ cung cấp các khóa học dài hai năm. Tuy nhiên, những sinh viên có khả năng vẫn có thể chuyển tiếp từ các trường cao đẳng hai năm sang một trường đại học nghiên cứu có uy tín.

2. Một số hình thức huy động tài chính của các trường đại học

Ở Mỹ, không có các kỳ thi vào đại học. Nhân viên tuyển chọn của trường lựa chọn dựa trên những hướng dẫn chung, nhưng không cần phải dựa trên một tiêu chuẩn cứng nhắc nào. Các trường tư thục lớn, thuộc Ivy League, rất hay săn đón con cái của các "đại gia" (chính trị hay kinh tế) và

sẵn sàng nhận vào học, bất kể kết quả học trung học hay điểm thi như thế nào. Điều đó xuất phát từ tính thực dụng: con cái của những người giàu có hoặc của các chính trị gia lớn thì sau này chắc cũng vẫn sẽ thành công trên thương trường hay chính trường và sẽ có tiềm năng đóng góp lại cho trường nhiều hơn. Những năm gần đây, các trường tư lớn như Harvard đã bắt đầu điều chỉnh chính sách và chú trọng nhận sinh viên có tài năng, bất kể họ xuất phát từ tầng lớp nào.

Các trường đại học rất chú trọng việc quyên góp tiền từ các cựu sinh viên của trường và những nhà hảo tâm. Nói chung, các trường tư làm việc này thuận lợi hơn và tốt hơn. Lý do vì người ta nghĩ trường tư không được chính phủ giúp, vì người ta muốn noi gương những nhà hảo tâm đi trước, và vì các trường tư mềm dẻo, linh hoạt hơn trong việc đáp ứng các yêu cầu của những người đóng góp. Nếu tham quan các trường đại Học ở Mỹ, sẽ thấy các tòa nhà, các thư viện, các phòng thí nghiệm, các vườn hoa,... thường được mang tên một người nào đó, thậm chí, là tên các giáo sư. Ở một công viên trong Đại học San Diego, một trường tư có khuôn viên luôn được trang trí công phu, sân lát bằng những viên gạch đẹp được khắc tên, và một số chỗ trên tường các tòa nhà cũng được xây bằng những viên gạch đẹp có khắc tên. Có thể nói các trường đại học ở Mỹ rất sáng tạo và chú trọng việc quyên góp tiền.

Nhiều đại học tư thục ở Hoa Kỳ cũng tham gia niêm yết cổ phiếu. Ngoài các trường đại học tư phi lợi nhuận, ở Mỹ còn có các trường tư thục vì lợi nhuận (tổng cộng khoảng trên 50 trường). Những trường này hoạt động như các công ty chuyên về giáo dục, và một số trường học công ty đã niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Tiêu biểu là Đại học Phoenix (khác với Đại học Arizona ở Phoenix). Thành lập năm 1976, Đại học Phoenix đã phát triển nhanh chóng và đến nay đã có hơn 170.000 cựu sinh viên. Hiện, trường có tổng cộng 280.000 sinh viên học theo các phương pháp truyền thống lẫn qua mạng ở rải rác trên 190 khu vực ở Mỹ và một số nước khác.

Đại học Phoenix và một số trường tư thục vì lợi nhuận khác trực thuộc công ty Apolo Group (ký hiệu ở thị trường chứng khoán Mỹ là APOL với tổng giá trị khoảng 7,7 tỷ USD). Một trường khá nổi tiếng khác là Đại học DeVry, với gần 80.000 sinh viên học rải rác ở hơn 80 địa điểm khác nhau khắp nước Mỹ, Canada và học qua mạng (ký hiệu ở thị trường chứng khoán Mỹ là DV với tổng giá trị khoảng 2 tỷ USD).

Khác nhau cơ bản giữa các trường phi lợi nhuận với các trường vì lợi nhuận là mục đích chính của các trường vì lợi nhuận là đem lại lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông, trong khi các trường phi lợi nhuận thì không có cổ đông. Tuy nhiên, để đem lại lợi nhuận cao, phải thu hút được

nhiều sinh viên, nghĩa là chất lượng mọi mặt của trường nói chung cũng phải tốt. Mặt khác, những trường phi lợi nhuận nói chung cũng vẫn phải cạnh tranh với nhau như những công ty, phải xem xét đầy đủ các yếu tố thị trường và ngày càng có xu hướng hoạt động như những công ty lớn.

Các trường vì lợi nhuận không mong đợi nhiều vào sự tài trợ trực tiếp của chính phủ các bang, của cựu sinh viên hay các nhà hảo tâm. Toàn bộ ngân sách của họ dựa vào học phí. Vì thế, những trường đại học vì lợi nhuận ở Mỹ chỉ đào tạo chứ không nghiên cứu, và chỉ tập trung đào tạo các ngành ra dễ tìm việc và có nhu cầu cao, mà không phải đầu tư trang thiết bị cho phòng thí nghiệm nhiều, như công nghệ thông tin, quản trị kinh doanh, y tá điều dưỡng, sư phạm,...

Tuy nhiên, họ có thể nhận tài trợ của chính phủ một cách gián tiếp thông qua các chương trình cho sinh viên vay ưu đãi để học đại học. Nếu trường nào chất lượng không tốt, không được kiểm định cấp chứng chỉ (accredited), thì có thể bị Chính phủ Mỹ phạt bằng cách không cấp tài trợ hoặc tín dụng cho sinh viên học ở trường đó nữa.

3. Những đặc trưng chính của hệ thống giáo dục đại học

Với hệ thống cấu trúc và cách thức hoạt động của hệ thống giáo dục đại học Hoa Kỳ, cho chúng ta thấy một số đặc trưng chính sau:

Tính đa dạng: có nhiều loại trường đại học với những mục tiêu khác nhau, tuyển sinh viên có những mối quan tâm và năng lực học thuật khác xa nhau, phục vụ những mục tiêu khác nhau của xã hội.

Tuyển sinh mở: bất kỳ người nào muốn theo học một trường sau trung học đều có thể được chấp nhận. Một số trường mang tính chọn lọc cao, nhưng tất cả mọi người có bằng tốt nghiệp phổ thông đều có thể được nhận vào học ở một trường nào đó.

Tính cơ động (về đội ngũ giáo chức, sinh viên và kinh phí): giáo chức có thể chuyển trường, sinh viên cũng có thể chuyển trường nếu họ không hài lòng với trường đang học hoặc nếu mối quan tâm hay năng lực học tập của họ thay đổi.

Tính cạnh tranh: cạnh tranh để có những sinh viên giỏi nhất, những giáo chức có năng lực nhất, có nguồn kinh phí cho nghiên cứu và cả vị thế của nhà trường.

Quyền tự do học thuật: giáo chức và sinh viên đều có quyền tự do về học thuật để theo đuổi những nghiên cứu, nêu lên những vấn đề về học thuật, về xã hội.

Tính ổn định của đội ngũ giáo chức: mặc dù đã và đang có nhiều thay đổi về bản chất của việc bổ nhiệm giáo chức và sắp xếp hoạt động học thuật, nhưng hầu hết giảng viên khối giáo dục đại học đều được bổ nhiệm với thời gian ổn định. Điều đó đem lại cho họ sự an tâm về nghề nghiệp, sự đảm bảo quyền tự do học thuật, đồng thời có một mức sống ổn định.

Quản lý chặt chẽ: Hiệu trưởng các trường đại học ở Hoa Kỳ được tuyển chọn không phải do chính quyền hay

đội ngũ giáo chức mà bởi một hội đồng quản trị gần như hoàn toàn độc lập, với đầu vào là các giáo chức nhiều năng lực.

Một nền giáo dục hướng vào sinh viên: hầu hết các trường đại học ở Hoa Kỳ đều tập trung vào sinh viên. Họ quan tâm, nhấn mạnh đến giảng dạy nhiều hơn là nghiên cứu. Chỉ có một tỷ lệ nhỏ các trường đại học uy tín nhất là hoàn toàn theo định hướng nghiên cứu.

Đa dạng về các nguồn kinh phí: hệ thống giáo dục Hoa Kỳ lâu nay vẫn phù hợp với khả năng tài chính đối với hầu hết người học thông qua nhiều cách thức cấp kinh phí khác nhau, bao gồm các khoản cho sinh viên vay, tài trợ, học bổng của các trường, các chương trình làm việc có trả công khi học, trợ cấp của tiểu bang và tất nhiên là các khoản chi phí từ gia đình.

4. Những nhân tố tạo nên sự thích ứng của hệ thống giáo dục đại học

Như vậy một câu hỏi đặt ra ở đây là điều gì đã tạo nên sự phù hợp hay nói cách khác là tính thích nghi cao độ với thời đại của giáo dục đại học Hoa Kỳ?

Đại học Giao thông Thượng Hải, Trung Quốc trong ba năm gần đây đã xếp loại các trường đại học trên thế giới dựa theo một loạt các tiêu chuẩn khách quan như số lượng giải Nobel và bài viết đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành nổi tiếng. Có tới 17 trong số 20 trường đại học đứng đầu danh sách đó là đại học của Mỹ, và có tới 35 trường của Mỹ nằm trong top 50. Các đại học của Mỹ hiện đang tuyển dụng 70% trong số những người đoạt giải Nobel trên toàn thế giới. Theo như một cuộc khảo sát tiến hành năm 2001, họ đã "sản xuất" ra khoảng 30% số lượng bài báo khoa học và công trình nghiên cứu; và 44% trong tổng số các tham luận được trích dẫn thường xuyên nhất.

Cũng theo khảo sát này, tỷ lệ phần trăm dân số học Đại học của Mỹ cao hơn hầu như bất cứ quốc gia nào; khoảng chừng 20% sinh viên thuộc các gia đình có thu nhập bằng hoặc thấp hơn mức đói nghèo. Một nửa trong số họ làm thêm ngoài giờ, và 80% sinh viên làm việc để tự nuôi sống bản thân.

Tại sao người Mỹ lại thành công được như vậy? Rõ ràng sự giàu có cũng đóng một vai trò nhất định. Mỹ tiêu tốn chi phí để đào tạo một sinh viên nhiều gấp hai lần mức trung bình do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đưa ra (vào khoảng 22.000 USD so với mức trung bình 10.000 USD, tính ở năm 2001). Tuy nhiên, nguyên nhân chính giải thích cho thành công của giáo dục đại học và sau đại học của Hoa Kỳ lại nằm trong cách tổ chức. Đây là điều mà nhiều quốc gia khác có thể tham khảo và học hỏi được.

Thứ nhất, giáo dục dành cho tất cả mọi người. Năm 1862, Quốc hội Mỹ đã thi hành Bộ luật Morril, tài trợ cho các trường Đại học. Bộ luật này đã mở

rộng cánh cửa học đại học cho tất cả người dân Mỹ, bao gồm cả những người không được bỏ phiếu như phụ nữ và nhóm người thiểu số. Mỗi bang được phép bán một số đất và sử dụng số tiền thu được để trao cho ít nhất một trường công lập. Khi bánh xe của cuộc Cách mạng Công nghiệp bắt đầu quay, bộ luật này đã giúp cung cấp các đề tài nghiên cứu và lực lượng lao động trình độ cao rất cần lúc bấy giờ. Sau khi thành lập, các trường đại học và cao đẳng được tài trợ này đã cấp hơn 20 triệu tấm bằng. Mỗi năm họ cấp 500.000 tấm bằng, trong đó 1/3 là bằng cử nhân và bằng thạc sỹ, và 60% là bằng tiến sỹ.

Thứ hai, vai trò hạn chế của chính phủ: Nước Mỹ không có một kế hoạch từ trung ương dành cho các trường đại học. Họ không coi giảng viên, giáo sư đại học là các viên chức nhà nước, như thường thấy ở các nước khác. Thay vì vậy, các trường Đại học có hàng loạt các nguồn tài trợ, từ chính phủ liên bang cho đến các tổ chức tôn giáo, từ các sinh viên, cựu sinh viên, cho đến các nhà tài trợ hào phóng như Ezra Cornell, Cornelius Vanderbilt, Johns Hopkins và John D. Rockefeller. Truyền thống cho và nhận tài trợ này vẫn tồn tại cho đến ngày nay: trong năm tài chính 2004 các nhà tài trợ đã đổ vào các Đại học ở Mỹ là 24,4 tỷ USD.

Sự quản lý hạn chế của nhà nước ở đây không có nghĩa là nhà nước không quan tâm đến việc quản lý hệ thống đại học, mà thực chất là nhà nước chỉ quản lý ở cấp vĩ mô. Chính phủ liên bang đã nhiều lần can thiệp vào các trường Đại học, chẳng hạn như Bộ luật Morrill về việc cấp đất đai ban hành năm 1862 đã tạo ra các trường Đại học được cấp đất để xây dựng. Nhà nước đổ tiền vào các trường cao đẳng cộng đồng. Dự luật GI năm 1946 đã mang các trường Đại học đến tầm tay của mọi người. Chính phủ liên bang vẫn tiếp tục đổ hàng tỷ đô la vào hoạt động khoa học và nghiên cứu.

Thứ ba, cạnh tranh lành mạnh: Trải qua nhiều năm, tính đa dạng và phi tập trung của các trường đại học Hoa Kỳ đã kích thích sự cạnh tranh. Các trường đại học cạnh tranh với nhau về mọi mặt, từ sinh viên cho đến giáo sư và cả các ngôi sao bóng rổ. Các giáo sư cạnh tranh để dành được các khoản tài trợ cho nghiên cứu từ phía chính quyền. Các sinh viên thì cạnh tranh về các khoản học bổng cao đẳng, đại học hoặc các học bổng nghiên cứu sinh. Điều này có nghĩa là các học viện thành công không thể nghỉ ngơi (ngủ quên) trong vinh quang.

Thứ tư, tính hữu dụng: Ở Đại học Wisconsin: "Khi cây củ cải của bất kỳ nông dân nào có vấn đề, họ gửi ngay một giáo sư đến để điều tra sự cố một cách rất khoa học" Henry Steele Commager, nhà sử học người Mỹ thế kỷ XX, lưu ý rằng một người Mỹ bình thường ở thế kỷ XIX đã coi giáo dục như niềm tin tín ngưỡng của họ, miễn là nó "thiết thực và sinh lời" Sự nhấn mạnh hai chữ "sinh lời" thể hiện nét đặc trưng nổi bật của nền văn hóa Đại học Mỹ. Người Mỹ đã đi tiên phong

trong nghệ thuật kết nối giữa giới học giả và công nghiệp. Các đại học ở Mỹ mỗi năm kiếm được hơn 1 tỷ USD nhờ vào tiền bản quyền phát minh và phí nhượng quyền. Hơn 170 đại học có các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp kinh doanh và hàng chục trường có các quỹ đầu tư kinh doanh riêng của họ.

Thứ năm, đầu tư cho tương lai: Cuối cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, nước Mỹ thông qua bộ luật công chức sửa đổi, được gọi là Bộ luật GI. Bộ luật này, hỗ trợ những thương binh chiến tranh học cao đẳng hoặc đại học. Luật này đã làm cho hệ thống giáo dục đại học của Mỹ có thể tiếp cận theo cách mà không một nước nào ở Châu Âu có thể có. Cánh cửa của những trường đại học tốt nhất rộng mở cho những ai chưa từng mơ đến việc đi học đại học. Trong vòng 50 năm, bộ luật này đã thu hút được 60 tỷ USD tiền đầu tư của công chúng cho giáo dục và đào tạo khoảng 18 triệu thương binh, trong đó có 8,5 triệu người học cao học.

Để thích nghi với xã hội phát triển, hệ thống giáo dục Đại học và sau đại học của Hoa Kỳ đã làm rất tốt hoạt động phục vụ hay nói cách khác họ rất quan tâm đến tính ứng dụng của các sản phẩm giáo dục. Nước Mỹ đánh giá cao vai trò phục vụ trực tiếp xã hội (chính phủ, các ngành nghề kinh tế, các tổ chức vì lợi ích của công chúng...) của các trường đại học. Các trường đại học có nhiều biện pháp để phát huy các hoạt động phục vụ này. Ví dụ như chính sách tích cực thu hút các hợp đồng nghiên cứu với khu vực chính phủ cũng như tư nhân. Các giáo sư cũng tham gia vào hàng loạt các hoạt động tư vấn phục vụ cộng đồng, tư vấn cho các ngành, các cơ quan chính phủ hay phi chính phủ. Các thủ tục đánh giá thăng cấp hay bổ nhiệm cũng tính đến hoạt động phục vụ này. Chính sách tài chính của các trường cũng khuyến khích các giáo sư, các khoa và các viện nghiên cứu tìm kiếm thêm nguồn tài trợ ngoài trường và cho phép họ tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các trường đại học còn rất chú trọng tới nhu cầu của sinh viên, họ cung cấp cho sinh viên nhiều loại dịch vụ khác nhau như: chăm sóc sức khỏe, giải trí hay các hoạt động phục vụ tín ngưỡng ở một số trường tư. Các trường ngoài nhiệm vụ giảng dạy và tạo nên sự dân chủ, còn phải có trách nhiệm với sinh viên của mình theo quan niệm "trường học hành động ở vị trí của phụ huynh" nên cuộc sống ngoại khóa của sinh viên là một khía cạnh quan trọng trong phương châm hoạt động của giáo dục đại học ở Hoa Kỳ.

Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục đại học của Hoa Kỳ còn biết kết hợp hài hòa giữa tính ổn định và thay đổi. Đây lại là một thành công độc đáo của hệ thống này. Cấu trúc tổ chức cơ bản của giáo dục đại học Hoa Kỳ đã không thay đổi trong gần một thế kỷ qua, khi đối diện với các tình huống mới, các trường đại học truyền thống điều chỉnh bằng cách bổ sung các chức năng mới hoặc xây dựng thêm các

phân ban. Các trường đại học luôn có cải tiến định kỳ nhưng vẫn duy trì chương trình đào tạo cấp đại học truyền thống giáo dục nhân văn và giáo dục đại học tự do. Liên bang luôn có một kế hoạch tổng thể cho giáo dục đại học và do các trường đại học có mức độ tự chủ khá cao, nên có những thay đổi diễn ra khác nhau ở các trường khác nhau. Theo mô hình kiểu Mỹ, thay đổi về học thuật không theo kế hoạch tập trung nhưng vẫn theo phương hướng chung.

Có thể thấy một trường hợp điển hình cho thích nghi của giáo dục đại học Hoa Kỳ. Cuối những năm 1980 đầu những năm 1990 các vấn đề về tài chính (lạm phát, kinh tế suy giảm) cộng với sự thay đổi trong chính sách chi phí công đã tạo ra những khó khăn to lớn về tài chính cho nhiều trường đại học. Tuy nhiên, bằng khả năng thích ứng tốt nên hầu như không có một trường đại học nào bị đóng cửa ngoại trừ sự sáp nhập của một số trường đại học tư yếu nhất. Các trường không thay đổi chương trình giảng dạy vì mục tiêu tiết kiệm. Để đối phó với cắt giảm mạnh nguồn tài trợ công các trường phải nâng cao mức học phí; giảm các khoản chi tiêu ở phần biên soạn các chương trình học tập; cắt giảm tối đa đội ngũ quản lý phục vụ; ngừng tăng lương cho họ; thuê giáo viên bán thời gian thay cho toàn thời gian; giảm bớt các loại sách và tạp chí trong thư viện... Đến giữa những năm 1990, khi điều kiện dành cho giáo dục được cải thiện do kinh tế hưng thịnh, hoạt động của các trường đại học trở lại tưng bừng hơn. Tăng mạnh về số lượng sinh viên đại học, các ngành học và nghiên cứu cũng có điều kiện để phát triển sâu rộng hơn nhằm phục vụ tốt hơn cho thời kỳ mới. Hiện nay, nhiều nền giáo dục đang hướng về Hoa Kỳ để tìm hiểu và học hỏi kinh nghiệm. Dường như họ tìm được rất nhiều lý do để chứng minh cho sự vượt trội của các trường đại học Mỹ. Nhưng có thể nói, những nhân tố trên, cùng với tinh thần ham học hỏi sẵn có trong mỗi người dân Mỹ đã làm cho hệ thống giáo dục đại học và sau đại học của Hoa Kỳ trở nên tốt nhất và có được những thành công đầy ngưỡng mộ ■

Tài liệu tham khảo:

1. Trung tâm thống kê giáo dục quốc gia Hoa Kỳ: http://nces.ed.gov/programs/digest
2. Bộ Giáo dục Hoa Kỳ: http://www.ed.gov
3. D. Bruce Johnston, *Khái quát về hệ thống giáo dục đại học Hoa Kỳ*, Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay số 05-2007
4. Philip G. Altbach, Mô hình giáo dục đại học Mỹ trong khung cảnh so sánh, Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay số 09-2007
5. Roger Geiger, Mười thế hệ giáo dục đại học Mỹ, Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay số 06-2007
6. SUPIJAN B.B. Obrazovanie v SSHA: Sostojanie prioritety razvitija// "SSHA - Canada", 2000, No 1, str. 80 – 93
7. "Higher Education Finance: Trends and Issues", International Handbook of Higher Education, Springer 2006,
8. Altbach, G. Philip (2007). *International Higher Education: Reflections on Policy and Practice*, Boston College
9. Sass, E. (2005). American Educational History: A Hypertext Timeline. Retrieved January 23, 2006, from site
10. http://www.cloudnet.com/~edrbsass/educationhistorytimeline.html
11. U. S. Department of Education (2007): A Diverse Education System: Structure, standards, and challenges. U.S. Embassy Publications
12. Nguyễn Xuân Thao (2009) "*Một quan điểm của Hoa Kỳ về vấn đề giáo dục đại học như một dịch vụ trong giáo dục xuyên biên giới*". Bài viết được trích trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế: "Giáo dục so sánh lần 3: Hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo đại học ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức" do Trường Đại học Sư phạm TP.HCM tổ chức vào ngày 16 tháng 10 năm 2009

Obama for America Reforming and Strengthening America's Schools for the 21st Century, at: http://blog.teachnet.ie/wp-content/uploads/ObamatoinvestlbillioninICT_8621/Fact_Sheet_Education_Reform_Speech_FINAL.pdf retrieved on 6th March, 2009.